

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-ST  
Ngày: 09- 11 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Lê Thị Thận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2021/TLST – DS, ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX – ST ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

- Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng C trình bày:*

Vào khoảng tháng 02/2019 bà Trần Thị L và con dâu là chị Trần Thị Thanh H có nói với bà C việc chị H cần tiền để chữa bệnh nên hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng do bà C không có tiền nên bà L, chị H nhờ bà C vay tiền giùm cho bà L, chị H để chị H chữa bệnh. Vì vậy, bà C đã vay của bà Vũ Thị H

gần nhà bà C số tiền 20.000.000 đồng để đưa cho chị H, bà L vay. Chị H, bà L hẹn trong thời gian 20 ngày sẽ trả tiền nhưng chị H và bà L không chịu trả tiền dù bà C đã nhiều lần hỏi. Do trước đây, khi vay tiền các bên không làm giấy tờ gì nên đến ngày 12/7/2020 bà C yêu cầu bà L và chị H viết giấy vay tiền, chị H có viết giấy mượn của bà C số tiền 20.000.000 đồng hẹn đến ngày 12/10/2020 sẽ trả. Do nghĩ là chị em con cháu trong gia đình nên chỉ cần chị H viết giấy là được nên bà C không yêu cầu bà L viết giấy và ký tên. Tuy nhiên, đã quá ngày hẹn nhưng chị H và bà L vẫn không trả tiền cho bà C mà còn trốn tránh.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 4/2019, chị H và bà L nói với bà C đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa có tiền nộp để lấy sổ đất về và cũng cần tiền để bồi thường do con trai của bà L gây tai nạn giao thông cho người khác tổng số tiền là 36.770.000 đồng nên hỏi mượn bà C số tiền này. Do bà C không có tiền nên đã hỏi mượn bà Đinh Thị H2 ở gần nhà số tiền 30.000.000 đồng cùng với số tiền của bà C là 6.770.000 đồng đưa cho chị H và bà L vay. Vì nghĩ là người nhà với nhau nên khi vay các bên không có làm giấy tờ và chị H, bà L cũng hẹn trong vòng một tháng sẽ trả tiền cho bà C. Nhưng cho tới nay bà L và chị H vẫn không trả dù bà C đã nhiều lần đến hỏi.

Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L và chị H phải trả cho bà C tổng số tiền đã vay là 56.770.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra, bà C không có bất cứ yêu cầu nào khác.

*Bị đơn bà Trần Thị L và chị Trần Thị Thanh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi nên không có lời khai.*

*Tại phiên tòa :*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thị L và chị Trần Thị Thanh H trả cho bà C số tiền gốc là 56.770.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng C, buộc bị đơn chị Trần Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền gốc đã vay là 20.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà C buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị H trả nợ cho bà C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện bà Trần Thị L và chị Trần Thị Thanh H có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước để yêu cầu bà L và chị H phải trả lại số tiền vay 56.770.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà Trần Thị L và chị Trần Thị Thanh H. Tuy nhiên bà L, chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

*Về nội dung:*

[3] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì vào khoảng tháng 02/2019 bà Trần Thị L và chị Trần Thị Thanh H có vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng để Hằng chữa bệnh, khi vay không làm giấy, hẹn trong thời gian 20 ngày sẽ trả lại tiền nhưng tới hẹn chị H và bà L không chịu trả tiền. Đến ngày 12/7/2020 bà C yêu cầu bà L và chị H viết giấy nên chị H có viết giấy mượn của bà C số tiền 20.000.000 đồng hẹn đến ngày 12/10/2020 sẽ trả. Ngoài ra, vào tháng 4/2019 bà C cho bà L và chị H vay số tiền 36.770.000 đồng, khi vay không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, hẹn một tháng sẽ trả. Như vậy, tổng số tiền bà C cho bà L và chị H vay là 56.770.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà L và chị H. Tuy nhiên, bà L và chị H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án tiến hành thu thập để giải quyết vụ án.

Xét lời trình bày của bà C thấy rằng:

[4] Đối với số tiền 20.000.000 đồng: Bà C trình bày khi vay thì cho cả chị H và bà L vay nhưng không ghi giấy, đến ngày 12/7/2020 bà C mới yêu cầu viết giấy. Tuy nhiên, giấy nhận nợ đề ngày 12/7/2020 do bà C cung cấp chỉ thể hiện nội dung chị H ký nhận mượn số tiền 20.000.000 đồng mà không có chữ ký của bà L. Bà C cho rằng do là chị em trong gia đình nên bà C mới tin tưởng không yêu cầu bà L làm giấy nhưng có người làm chứng là bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị H1 chứng kiến. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H xác nhận bà H có cho bà C vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng khi hỏi bà C vay làm gì thì bà C không nói, bà H cũng không chứng kiến việc bà C đưa tiền cho bà L vay. Còn bà H1 thì chỉ nghe C nói với bà L lo tiền để trả cho người ta chứ không biết việc vay mượn tiền giữa bà C, chị H và bà L như thế nào. Việc bà C cho rằng cho cả bà L và chị H vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng tại giấy nhận nợ đề ngày 12/7/2020, chỉ ghi nội dung mượn bà C số tiền 20.000.000 do chị H ký nhận mà không đề cập tới bà L cũng như bà L ký nhận nợ. Do đó việc bà C trình bày cho cả bà L và chị H là không có cơ sở. Chỉ có căn cứ xác định chị H vay bà C số tiền 20.000.000 đồng nên cần buộc chị H phải trả lại cho bà C số tiền này là phù hợp.

[5] Đối với số tiền 36.770.000 đồng, khi vay các bên không làm giấy tờ nhưng bà C trình bày việc bà C cho bà L và chị H vay số tiền này thì bà Vũ Thị H và bà Đinh Thị H2 biết vì chính bà C vay của bà H2 số tiền 30.000.000 đồng để cho chị H, bà L vay. Tuy nhiên, bà H2 chỉ xác nhận vào năm 2019 bà C có vay bà H2 số tiền 30.000.000 đồng, khi cho vay bà H2 có hỏi bà C vay để làm gì nhưng bà C không nói, còn việc bà C cho bà L vay tiền như thế nào thì bà H2 không biết. Bà Vũ Thị H trình bày chỉ nghe bà L nhờ bà C vay tiền giùm nhưng bà C nói chỉ có khả năng vay giùm được 30.000.000 đồng của bà H2. Sau đó, bà H có nghe bà C nói với bà L đã vay cho bà L 30.000.000 đồng còn sự việc sau đó như thế nào thì bà H không biết. Như vậy, theo lời trình bày của bà H thì chỉ có một mình bà H biết sự việc vay số tiền 30.000.000 đồng nhưng chỉ nghe nói chuyện chứ không trực tiếp chứng kiến việc vay mượn và giao tiền giữa bà L và bà C. Ngoài ra, bà C không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc có cho bà L và chị H vay số tiền 30.000.000 đồng vay từ bà H2 và số tiền của bà C là 6.770.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà L và chị H phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 36.770.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà C là 20.000.000 đồng, tương đương số tiền 1.000.000 đồng.

Bà C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 36.770.000 đồng, tương đương 1.838.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền án phí bà C đã đóng là 1.419.250 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016066 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà C phải nộp tiếp số tiền 418.750 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng C. Buộc bà Trần Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Hồng C số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng C buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới cùng chị Trần Thị Thanh H trả cho bà C số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng C đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị L và chị Trần Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 36.770.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Bà Trần Thị Hồng C phải chịu 1.838.000 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã đóng là 1.419.250 đồng (*Một triệu bốn trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016066 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà C phải nộp tiếp số tiền 418.750 đồng (*Bốn trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THA huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Đào**

